| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH AN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 63/2022/DS-PT
Ngày: 13 - 4 - 2022
Về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

**Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Cao Minh Lễ.

*Các Thẩm phán:*

1. Ông Trương Văn Hai;

2. Bà Phạm Thị Minh Châu.

***Thư ký phiên tòa***: Bà Huỳnh Ngọc Loan – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa***: Bà Lương Thị Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 12/2022/TLPT-DS ngày 09 tháng 02 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 166/2021/DS-ST, ngày 22/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 33/2022/QĐ-PT ngày 21 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Ông Huỳnh Ngọc H, sinh năm 1968 (Vắng mặt)

Cư trú: Tổ 2, ấp Long H1, phường Long C, thị xã C1, tỉnh G

Địa chỉ liên hệ: Số 560/6, khóm Tây Kh 4, phường M, thành phố L X, tỉnh G

*2. Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1963 - Chủ hộ Kinh doanh trại hòm T (Có mặt)

Cư trú: Số 109/2 đường Thoại Ngọc H2, khóm 4, phường L, thành phố LX, tỉnh G

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn Tr có ông Võ Văn Tr2 sinh năm 1959. Cư trú: Số 109/2 đường Thoại Ngọc H2, khóm 4, phường L, thành phố L X, tỉnh G

*Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Văn Tr.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn ông Huỳnh Ngọc H trình bày:* Vào ngày 05/3/2020, ông H và ông Nguyễn Văn Tr thỏa thuận là ông H đồng ý đưa tiền mặt cho ông Tr là 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*), thời hạn vay là 06 tháng (tính từ ngày 05/3/2020 đến 05/9/2020), theo thỏa thuận ông Tr trả lãi cho ông H 05 tháng là 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*), tổng cộng là 150.000.000 đồng , từ đó cộng lãi vào vốn làm giấy vay nợ mới vào ngày 07/9/2020, số tiền vốn góp ông H giao cho ông Tr là 150.000.000 đồng với thỏa thuận lãi suất là chia lãi cố định hàng tháng là 10.000.000 đồng, ngoài ra có thể chia thêm lãi nếu mua bán thuận lợi.

- Việc vay tiền có làm Hợp đồng vay tiền tại Văn phòng Công chứng Nhựt Q, ký vào ngày 05/3/2020, vào sổ số 21, quyển số 01 TP/CC/HĐGD và Hợp đồng vay tiền được Văn Phòng Công Chứng Huỳnh Minh H3 công chứng số 90, quyển số 01/TP/CC-SCC-HĐGD ký ngày 07/9/2020.

- Tính đến tháng 12/2020, ông Tr chỉ trả cho ông H số tiền 26.000.000 đồng (lãi cố định của 03 tháng từ 07/9/2020 - 07/12/2020). Tổng cộng tiền lãi cố định ông Tr còn nợ ông H là 15.000.000 đồng.

- Do, ông Tr không thực hiện nghĩa vụ như đã thỏa thuận, nên ông H khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố LX yêu cầu giải quyết buộc ông Tr phải trả cho ông H số tiền vốn vay là 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*) và tiền nợ lãi cố định là 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*). Tổng cộng số tiền mà ông H yêu cầu ông Tr phải trả là 165.000.000 đồng (*Một trăm sáu mươi lăm triệu đồng*).

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông H xác định thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể là yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn Tr - Chủ hộ khinh doanh trại hòm Năm T phải trả cho ông tiền vốn vay tổng cộng là 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*) và tiền lãi theo quy định là 20%/năm, sau khi điều chỉnh lãi theo quy định thì ông đồng ý khấu trừ vào số tiền lãi đã nhận của ông Tr là 26.000.000 đồng (*Hai mươi sáu triệu đồng*).

* *Bị đơn ông Nguyễn Văn Tr trình bày :* Ông Tr thừa nhận có ký tên vào hợp đồng vay nợ của ông H số tiền vay theo các hợp đồng vay tiền được công chứng với số tiền là 150.000.000 đồng và ông có hứa đến tháng 6/2021 sẽ trả lại số tiền này cho ông H. Tuy nhiên, ông Tr không đồng ý với ông H về số tiền lãi mà ông Tr đã trả cho ông H vì theo đơn khởi kiện của ông H thì tính đến tháng 12/2020 của 03 tháng từ ngày 07/9/2020 đến 07/12/2020 ông Tr chỉ trả cho ông H số tiền lãi là 25.000.000 đồng, nhưng ông đã trả lãi cho ông H số tiền lãi tổng cộng là 50.000.000 đồng từ ngày 05/4/2020 đến ngày 20/8/2020 có hóa đơn chuyển tiền cụ thể như sau:

- Ngày 05/4/2020 ông Tr trả cho ông H số tiền 10.000.000 đồng
- Ngày 08/5/2020 ông Tr trả cho ông H số tiền 10.000.000 đồng

- Ngày 13/5/2020 ông Tr trả cho ông H số tiền 5.000.000 đồng
- Ngày 08/6/2020 ông Tr trả cho ông H số tiền 1.000.000 đồng
- Ngày 12/6/2020 ông Tr trả cho ông H số tiền 5.000.000 đồng
- Ngày 22/6/2020 ông Tr trả cho ông H số tiền 5.000.000 đồng
- Ngày 05/7/2020 ông Tr trả cho ông H số tiền 10.000.000 đồng
- Ngày 12/8/2020 ông Tr trả cho ông H số tiền 1.000.000 đồng
- Ngày 20/8/2020 ông Tr trả cho ông H số tiền 3.000.000 đồng

Ông Tr trình bày ông H cho vay vốn nặng lãi không phải là hùn vốn hợp tác làm ăn như ông H trình bày. Đối với Hợp đồng là từ ngày 05/3/2020 đến ngày 05/9/2020 là 06 tháng mới hết hợp đồng nhưng vào ngày 09/8/2020 ông H buộc ông Tr trả lại vốn là 100.000.000 đồng là sai so với hợp đồng vay tiền hai bên đã thỏa thuận.

- Đồng thời, ông H còn hành hung và đang giữ tài sản của ông Tr bao gồm chìa khóa xe hơi và điện thoại cụ thể: 1 xâu chìa khóa xe hơi biển số xe 53.S.3315/16, 2 xâu chìa khóa xe 54M.7720 và 4 chìa khóa tủ. Thời gian sau ông H còn buộc ông Tr vay phải ký nợ thêm 50.000.000 đồng thì ông H không đập phá nhà nên ông Tr đã đồng ý đến Văn phòng Công chứng Huỳnh Minh Hoàng để ký. Ông có thỏa thuận với ông H khi nào ông Tr bán được nhà sẽ trả nợ cho ông H và ông H đã đồng ý nhưng nay thì ông H khởi kiện ông đến Tòa án buộc trả nợ.

- Ông Tr thừa nhận có nợ ông H số tiền vay là 100.000.000 đồng và ông đồng ý thanh toán tiền còn nợ, tiền lãi ông không đồng ý trả. ông H có trách nhiệm trả lại 02 chùm chìa khóa xe cho ông

***Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 166/2021/DS-ST ngày 22/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố LX quyết định:***

Căn cứ

+ Điều 463, Điều 464, khoản 1 Điều 466, Điều 468, Điều 470, Điều 504, Điều 512 Bộ luật dân sự năm 2015;

+ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 143, khoản 1 Điều 146, khoản 1 Điều 147, Điều 150, Điều 186, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 232, Điều 240, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Tr với Ông Nguyễn Văn Tr - Chủ hộ Kinh doanh trại hòm Năm T

1.1. Tuyên bố giấy hợp tác kinh doanh ngày 27/02/2020 giữa ông Huỳnh Ngọc H với ông Nguyễn Văn Tr - Chủ hộ Kinh doanh trại hòm Năm T là hết hiệu lực

1.2. Buộc ông Nguyễn Văn Tr - Chủ hộ Kinh doanh trại hòm Năm T có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Ngọc H số tiền vốn vay là 169.618.833 đồng (*Một trăm sáu mươi chín triệu sáu trăm mười tám nghìn tám trăm ba mươi ba đồng*). Trong đó: Tiền vốn vay theo Hợp đồng vay tiền tại Văn phòng Công chứng Nhựt Q, ký vào ngày 05/3/2020, vào sổ số 21, quyển số 01 TP/CC/HĐGD, Hợp đồng vay tiền ngày 07/9/2020 được Văn Phòng Công Chứng Huỳnh Minh H công chứng số 90, quyển số 01/TP/CC-SCC-HĐGD và biên nhận tiền ngày 05/3/2020, ngày 07/9/2020 là 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng)* và tiền lãi tính đến ngày 22/11/2021 là 19.618.833 đồng (*Mười chín triệu sáu trăm mười tám nghìn tám trăm ba mươi ba đồng*).

1.3. Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo bản án và thời hiệu để yêu cầu thi hành bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11 tháng 12 năm 2021, bị đơn ông Nguyễn Văn Tr có đơn kháng cáo yêu cầu xem xét lại bản án sơ thẩm, do ông H cho vay nặng lãi, cưỡng đoạt tài sản ông, vu khống và đánh ông, ông H khai không đúng sự thật, gian dối nên ông không đồng ý như lời khai của ông Huỳnh Ngọc H.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vắng mặt và bị đơn không rút yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không xuất trình chứng cứ nào mới tại cấp phúc thẩm, không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh G nêu quan điểm giải quyết vụ án:*

Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm đã tiến hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự hiện hành, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Đề xuất hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Chấp nhận một phần kháng cáo của Ông Nguyễn Văn Tr; Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 166/2021/DS-ST ngày 22/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố LX. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ông Huỳnh Ngọc H đối với Ông Nguyễn Văn Tr. Buộc Ông Nguyễn Văn Tr có nghĩa vụ trả cho Ông Huỳnh Ngọc H số tiền vốn và lãi là 108.346.333 đồng. Ông Nguyễn Văn Tr phải chịu án phí sơ thẩm là 5.417.316 đồng. Ông Huỳnh Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền vốn, lãi không được chấp nhận là 3.064.000đồng. Nguyễn Văn Tr không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các tài liệu chứng cứ, ý

kiến trình bày và tranh luận tại phiên tòa của các đương sự, ý kiến của Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành đúng trình tự thủ tục, bị đơn kháng cáo trong hạn luật định và có đóng tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét chấp nhận.

[2] Trên cơ sở các chứng cứ thu thập trong quá trình giải quyết vụ án thì nội dung vụ việc được xác định như sau: Ông Huỳnh Ngọc H khởi kiện yêu cầu Ông Nguyễn Văn Tr trả số tiền vốn gốc là 150.000.000 đồng và nợ lãi cố định là 15.000.000 đồng, phía ông Tr chỉ đồng ý trả số tiền vốn gốc là 100.000.000 đồng.

[3] Xét đơn kháng cáo của Ông Nguyễn Văn Tr: Hội đồng xét xử nhận thấy vào ngày 27/2/2020 Ông Huỳnh Ngọc H và Ông Nguyễn Văn Tr (chủ cơ sở kinh doanh trại hòm Năm T) cùng ký hợp tác kinh doanh trại hòm theo thỏa thuận ông H sẽ góp vốn vào trại hòm của ông Tr là 100.000.000 đồng, hàng tháng ông Tr trả lãi cố định cho ông H là 10.000.000 đồng, nếu có lời thì chia hai, thời hạn vay là 06 tháng (tính từ 5/3/2020 đến 5/9/2020). Theo thỏa thuận thì ông Tr trả lãi cho ông H 5 tháng là 50.000.000 đồng, cộng vốn là 150.000.000 đồng, bắt đầu chu kỳ vay mới là ngày 7/9/2020. Do việc hợp tác kinh doanh chỉ bằng giấy tay, ông H không tin tưởng nên vào ngày 5/3/2020 ông H và ông Tr có đến Văn phòng công chứng Nhựt Q lập hợp đồng vay tiền có chứng thực số tiền vay là 100.000.000 đồng. Đến ngày 7/9/2020, ông H, ông Tr tiếp tục đến Văn phòng công chứng Huỳnh Minh H3 công chứng hợp đồng vay số tiền 50.000.000 đồng, tính đến tháng 12/2020 ông Tr chỉ trả lãi cho ông H được 25.000.000 đồng (lãi cố định của 03 tháng từ 7/9/2020 đến 7/12/2020). Tổng cộng tiền lãi cố định ông Tr còn nợ ông H là 15.000.000 đồng. Nay ông H khởi kiện đòi ông Tr vốn lãi tổng cộng là 165.000.000 đồng. Trong đó tiền vốn gốc là 150.000.000 đồng, tiền lãi cố định là 15.000.000 đồng.

Tại biên bản đối chất ngày 18/5/2021 ông H và ông Tr đều thống nhất, việc các bên ký giấy hợp tác kinh doanh trại hòm chỉ là làm tin, mục đích ông H đưa tiền cho ông Tr là cho ông Tr vay tiền, để ông Tr kinh doanh trại hòm, các bên chỉ tranh chấp hợp đồng vay tài sản, không tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh. Ông H khai là khi đưa tiền cho ông Tr vay thì ông Tr có làm biên nhận tiền và có công chứng hợp đồng vay. Ông H cho ông Tr vay 2 lần tổng cộng là 150.000.000 đồng (ngày 5/3/2020 vay 100.000.000đồng, thời hạn vay 6 tháng và ngày 7/9/2020 vay 50.000.000 đồng, thời hạn vay 2 tháng, sau khi vay ông Tr đóng lãi tổng cộng 26.000.000 đồng, phía ông Tr chỉ thừa nhận có vay của ông H 100.000.000 đông, đã đóng lãi 50.000.000 đồng, còn hợp đồng vay ngày 7/9/2020 do không có tiền trả lãi cho ông H nên ông H ép ông Tr ký tên vào hợp đồng vay 50.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn Tr kháng cáo yêu cầu xem xét lại bản án sơ thẩm, do ông H cho vay nặng lãi, cưỡng đoạt tài sản ông, vu khống và đánh ông, ông H khai không đúng sự thật, gian dối.

[3.1] Về tiền lãi: Ông H khai khi vay không có thỏa thuận lãi suất, phía ông Tr khai lãi suất thỏa thuận 10%/tháng ông H khởi kiện yêu cầu ông Tr trả số tiền vốn 150.000.000 đồng và tiền nợ lãi cố định 15.000.000 đồng. Tuy nhiên tại giấy

hợp tác kinh doanh trại hòm, theo thỏa thuận ông H sẽ góp vốn vào trại hòm của ông Tr là 100.000.000 đồng, hàng tháng ông Tr sẽ trả lãi cho ông H cố định là 10.000.000 đồng/tháng, đã thể hiện lãi suất do các bên thỏa thuận là 10%/tháng . Nên cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1, Điều 468 BLDS năm 2015 để điều chỉnh lãi suất theo quy định pháp luật là 20%/năm là phù hợp.

[3.2] Tại biên bản đối chất ngày 18/5/2021 ông H khai là ông H cho ông Tr vay 2 lần là 150.000.000 đồng, mỗi lần ký hợp đồng vay ông điều có đưa tiền cho ông Tr, nhưng tại đơn khởi kiện ngày 25/12/2020, ông H trình bày " vào ngày 27/2/2020 Ông Huỳnh Ngọc H và Ông Nguyễn Văn Tr (Chủ cơ sở kinh doanh trại hòm Năm T) cùng ký kết giấy hợp tác kinh doanh trại hòm, theo thỏa thuận ông H sẽ góp vốn vào trại hòm của ông Tr là 100.000.000 đồng, hàng tháng ông Tr trả lãi cho ông H cố định 10.000.000 đồng, nếu có lời thêm thì chia hai, thời hạn vay là 06 tháng (tính từ 5/3/2020 đến ngày 5/9/2020).Theo thỏa thuận ông Tr phải trả lãi cho ông H 5 tháng là 50.000.000 đồng, cộng vốn lãi là 150.000.000 đông, bắt đầu chu kỳ vay mới là ngày 07/9/2020". Lời trình bày của ông H trong đơn khởi kiện đã thể hiện là 50.000.000 đồng vay ngày 07/9/2020 là số tiền lãi vay 5 tháng của khoản vay 100.000.000 đồng ngày 5/3/2020. Căn cứ vào đơn khởi kiện của ông H ngày 25/12/2020 thì ông Tr chỉ có vay của ông H số tiền vốn 100.000.000 đồng còn số tiền 50.000.000 đồng vay 07/9/2020 là tiền lãi. Nhưng Tòa cấp sơ thẩm căn cứ vào hợp đồng ngày 07/9/2020 do ông Tr ký tên để buộc ông Tr trả cho ông H số tiền vốn 50.000.000 đồng là không có căn cứ. Nên Hội đồng xét xử cần sửa bản án dân sự sơ thẩm như Viện kiểm sát đề nghị về số tiền vốn, lãi ông Tr phải trả cho ông H như sau. Vay 100.000.000 đồng từ ngày 05/3/2020 đến ngày xét xử 22/11/2021 là 20 tháng 17 ngày.

100.000.000 đ x 1,67%/tháng x 20 tháng 17 ngày = 34.346.333 đồng

Ông Tr đã trả lãi cho ông H được 26.000.000đ. Do đó ông Tr phải cho ông H vốn và lãi như sau: 100.000.000 đồng + 34.346.333 đồng – 26.000.000 đồng = 108.346.333 đồng.

[3.3] Phía ông Tr cho rằng trả lãi cho ông H được 50.000.000 đồng, ông H chỉ thừa nhận có nhận lãi 26.000.000 đồng thể hiện 5 giấy nộp tiền tại Ngân hàng Sacombank, còn 24.000.000 đồng ông H không thừa nhận, ông Tr cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc đóng lãi nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét.

[4] Đối với kháng cáo của ông Tr yêu cho rằng ông H cho vay nặng lãi, cưỡng đoạt tài sản , vu khống và đánh ông Tr. Tòa cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh tại Công an phường L đã thể hiện là Công an phường L không có tiếp nhận , giải quyết yêu cầu xử lý hình sự của ông Tr nên không có căn cứ để xem xét.

[5] Do Tòa án cấp sơ thẩm xác định mối quan hệ pháp luật hợp đồng vay tài sản, ông H kiện ông Tr trả số tiền vay, các bên không tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh, tại các hợp đồng vay, người vay là cá nhân ông Tr, mục dích ông Tr vay là để kinh doanh trại hòm Năm T, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Nguyễn Văn Tr có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Ngọc H số tiền số tiền 169.618.833đồng và

Tuyên bố giấy hợp tác kinh doanh ngày 27/02/2020 giữa Ông Huỳnh Ngọc H với Ông Nguyễn Văn Tr - Chủ hộ Kinh doanh trại hòm Năm T là hết hiệu lực là không cần thiết và vượt quá yêu cầu của các đương sự. Tòa cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm. Hội đồng xét xử cần sửa án sơ thẩm về cách tuyên với những lý do nêu trên.

[6] Về án phí sơ thẩm: Do sửa án sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận một phần nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được chấp nhận.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn Tr không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn Ông Nguyễn Văn Tr;

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 166/2021/DS-ST ngày 22/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố LX;

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ông Huỳnh Ngọc H đối với Ông Nguyễn Văn Tr. Buộc Ông Nguyễn Văn Tr có nghĩa vụ trả cho Ông Huỳnh Ngọc H số tiền vốn và lãi là 108.346.333 đồng.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Huỳnh Ngọc H phải chịu 3.064.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 4.125.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009268 ngày 11/01/2021 tại Chi Cục Thi hành án Dân sự thành phố LX. Ông H được nhận lại 1.061.000 đồng.

- Ông Nguyễn Văn Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.417.316 đồng.

Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên Ông Nguyễn Văn Tr không phải chịu án phí phúc thẩm. Ông Nguyễn Văn Tr được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0000786 ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Văn Hai** **Phạm Thị Minh Châu** **Cao Minh Lễ**